

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE

Từ ngày 22/01/2021 đến ngày 28/01/2021 / From 22 Jan 2021 to 28 Jan 2021

1 Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:	CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company
2 Ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam-HCMC Branch
3 Tên quỹ: Fund name:	QUỸ ETF VFMVN DIAMOND VFMVN DIAMOND ETF
4 Kỳ báo cáo: Reporting Date:	28/01/2021 28 Jan 2021

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KY BAO CAO THIS PERIOD 28/01/2021	KY TRƯỚC LAST PERIOD 21/01/2021
1	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
1.1	Của quỹ/ of fund	2101.1	6,692,753,595,103	6,415,178,519,717
1.2	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	1,847,806,072	1,874,686,884
1.3	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	18,478.06	18,746.86
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
2.1	Của quỹ/ of fund	2102.1	6,358,815,748,933	6,692,753,595,103
2.2	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	1,658,533,059	1,847,806,072
2.3	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	16,585.33	18,478.06
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó Change of net asset value the period, in which	2103		
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities during the period	2103.1	(725,605,682,305)	(92,778,027,659)
3.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ Change due to subscription, redemption during the period	2103.2	391,667,836,135	370,353,103,045
3.3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change due to profit distribution to investors during the period	2103.3		
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of net asset value per certificate from this period to last period	2104	(1,892.73)	(268.80)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest net asset value for 52 weeks	2105		
5.1	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	6,904,578,362,941	6,692,753,595,103
5.2	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	109,880,505,679	109,880,505,679
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate	2106		
1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2107	18,600	19,040
2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2108	16,740	18,600
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price from this period to last period	2109	(1,860)	(440)
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Variance between market price and net asset value of one fund certificate	2110		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2110.1	154.67	121.94
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2110.2	0.93%	0.66%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks	2111		
5.1	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2111.1	19,250	19,250
5.2	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2111.2	10,500	10,500

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát
Authorised Representative of Supervisory Bank



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CN TP.HCM
Phó Trưởng Phòng DVKHTC2
Ngô Thùy Dương

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Phó Tổng Giám Đốc - Phụ trách CBTT
Nguyễn Minh Đăng Khánh